

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/KDTM-PT
Ngày 19-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2022/KDTM-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐ-PT ngày 16/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐ-PT ngày 29/8/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T Việt Nam; địa chỉ: T, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc L, Phó Giám đốc Ngân hàng T Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn và ông Hoàng Trung K, Phó trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng T Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1056/UB-HĐQT-NHCTT18); địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Bà Triệu Thị C - Chủ doanh nghiệp tư nhân Triệu Quốc T. Địa chỉ: Đường 37m (nay là đường Lý Thường K), phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị T. Địa chỉ: Phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện hợp pháp của bà Hoàng Thị T: Anh Triệu Văn T; đăng ký hộ khẩu thường trú: K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ liên hệ: đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06-12-2021) có mặt.

2. Ông Triệu Ký V. Địa chỉ: Hiện đang bị tạm giam tại Trại t tỉnh Lạng Sơn trong vụ án hình sự thụ lý số: 78/2020/TLPT-HS ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về tội Mua bán trái phép chất ma túy; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Triệu Ký V và anh Triệu Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng T Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng T, hoặc Ngân hàng) và bà Triệu Thị C – Chủ doanh nghiệp tư nhân (viết tắt là DNTN) Triệu Quốc T đã ký với nhau Hợp đồng cho vay hạn mức số 0410/2019-HĐCVHM/NHCT200-DNTNTRIEUQUOCT ngày 04-10-2019. Theo đó, Ngân hàng cho bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T vay số tiền 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng). Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 04-10-2019 đến ngày 04-10-2020). Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng. Lãi suất cho vay: 9,0%/năm. Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Sau khi nhận được tiền vay, bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T mới chỉ trả được nợ lãi đến ngày 19-10-2021, số tiền 563.745.208 đồng (năm trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh tám đồng). Bắt đầu từ tháng 11-2021 cho đến nay khách hàng không đóng tiền lãi nữa. Vì vậy, ngày 26-12-2020, Ngân hàng TViệt Nam chuyển toàn bộ dư nợ gốc 20.000.000.000 đồng sang nợ quá hạn, do khách hàng không thanh toán nợ lãi đúng hạn. Từ khi khoản nợ quá hạn, Ngân hàng TViệt Nam đã liên hệ trực tiếp bằng điện thoại, mời bà Triệu Thị C – Chủ DNTN Triệu Quốc T lên làm việc rất nhiều lần và yêu cầu bà Triệu Thị C – Chủ DNTN Triệu Quốc T cam kết phải trả hết nợ gốc, nợ lãi cho vay trong hạn, lãi phạt nợ gốc đến hạn, nhưng bà Triệu Thị C – Chủ DNTN Triệu Quốc T không thực hiện đúng cam kết và tiếp tục vi phạm Hợp đồng tín dụng. Tổng dư nợ (nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi phạt nợ gốc quá hạn) phải trả tính đến ngày 27-4-2022 là 23.687.630.622 đồng. Trong đó, nợ gốc là 20.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.526.575.342 đồng, lãi phạt nợ gốc quá hạn là 1.161.055.280 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Triệu Ký V và bà Hoàng Thị T đã thế chấp cho bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 132, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại đường 37m (nay là đường Lý Thường K), khu đô thị Phú Lộc 4, phường H, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI113377 ngày 02-8-2007 cho Công ty Cổ phần Bất động sản H, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận T0025, đăng ký biến động sang tên ông Triệu Ký V ngày 24-12-2008.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 133, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại đường 37m (nay là đường Lý Thường K), phường H, TP L, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI113378 ngày 02-08-2007 cho Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Nội, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận T00255, đăng ký biến động sang tên ông Triệu Ký V tháng 12-2008.

- Tài sản trên đất được thế chấp gồm công trình nhà ở 10 tầng xây dựng năm 2013, hiện đang được sử dụng làm khách sạn Triệu Ký V, diện tích sàn 251,5 m², diện tích xây dựng 2.510m² (nằm trên cả hai thửa 132, 133).

Theo quy định, việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả nợ gốc và lãi, các khoản vay của bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T đều là khoản vay ngắn hạn từ 03 đến 06 tháng, bên vay không phải chỉ thực hiện nghĩa vụ trả lãi mà phải trả cả gốc và lãi. Trước khi Ngân hàng dừng việc giải ngân, Ngân hàng đã mời Doanh nghiệp đến làm việc và căn cứ vào phương án trả nợ cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp để dừng việc giải ngân đối với Doanh nghiệp. Về việc rút tài sản thế chấp theo đề nghị của ông Triệu Ký V, do khoản vay của bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T là khoản vay quá hạn nên không áp dụng việc rút tài sản thế chấp để thế chấp bằng tài sản khác. Ngân hàng vẫn luôn tạo điều kiện cho khách hàng cũng như bên bảo đảm, có thể bán các tài sản khác để có nguồn tiền trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng sẽ thực hiện thủ tục tất toán khoản vay và trả lại tài sản bảo đảm. Hoặc bên bảo đảm tự tìm khách hàng nhận mua tài sản bảo đảm. Về việc thực hiện nghĩa vụ thông báo cho bên bảo đảm về việc khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm hiện tại bên bảo đảm đều đã biết việc này. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bà Triệu Thị C – Chủ DNTN Triệu Quốc T phải hoàn trả cho Ngân hàng TViệt Nam tổng số tiền là 23.687.630.627 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 20.000.000.000 đồng; lãi vay trong hạn: 2.526.575.34 đồng; lãi phạt nợ gốc quá hạn: 1.161.055.284 đồng tính đến ngày 27-4-2022). Số dư nợ lãi vay trong hạn, lãi phạt nợ gốc quá hạn sẽ được tiếp tục tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 28-4-2022 đến khi thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Triệu Thị C – Chủ DNTN Triệu Quốc T không trả được nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN48/086/2016-HĐTC/NHCT200-DNTNTRIEUQUOCT/AI11337 AI113378 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số LN48/1312/2017-HĐTC/SDDBS1-NHCT200/400569029-AI11337-AI113378 ngày 13-12-2017 để

thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm sau khi xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Triệu Thị C – Chủ doanh nghiệp tư nhân Triệu Quốc T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TViệt Nam theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 0410/2019-HĐCVHM/NHCT200-DNTNTRIEUQUOCT ngày 04-10-2019 cho đến khi trả xong khoản nợ.

Bị đơn bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T trình bày: Ngày 04-10-2019, DNTN Triệu Quốc T do bà Triệu Thị C là người đại diện theo pháp luật có vay của Ngân hàng T Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn số tiền 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 0410/2019-HĐCVHM/NHCT200-DNTNTRIEUQUOCT. Mục đích vay vốn kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng. Tuy nhiên, ngay sau khi được giải ngân số tiền vay thì dịch Covid 19 bùng phát làm cho việc kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề nên dẫn tới không trả đúng hạn khoản vay trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã đều đặn trả lãi theo quy định, chỉ đến năm 2021 mới dừng việc trả lãi. Bị đơn vẫn mong muốn được tiếp tục giải ngân theo Hợp đồng cho vay hạn mức đã ký nhưng Ngân hàng đã dừng việc giải ngân trong khi bản thân bị đơn vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu trả nợ, bị đơn không phản đối, nhưng đề nghị Ngân hàng miễn cho bị đơn khoản lãi trong hạn và lãi phạt nợ gốc quá hạn đồng thời giãn nợ cho bị đơn trong khoảng thời gian từ 06 tháng đến 08 tháng để bị đơn hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Ký V trình bày: Ông và vợ là bà Hoàng Thị T thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của DNTN Triệu Quốc T như phần trình bày của Ngân hàng. Tài sản thế chấp đã được góp vốn vào Công ty TNHH MTV Triệu Ký V do ông là người đại diện. Tài sản thế chấp đến nay không có thay đổi về hiện trạng, thay đổi chủ sở hữu, quản lý. Ông Triệu Ký V đề nghị Ngân hàng giãn thời gian trả nợ cho bị đơn trong thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm, đồng thời mong muốn được thỏa thuận với Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp, cụ thể để ông Triệu Ký V thế chấp bằng tài sản khác để rút tài sản đang thế chấp trong vụ án này ra hoặc để ông Triệu Ký V tự xử lý tài sản thế chấp. Ngoài ra ông Triệu Ký V đề nghị thẩm định, định giá lại tài sản thế chấp vì từ thời điểm thế chấp đến nay, giá cả thị trường đã có sự biến động.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T là anh Triệu Văn T trình bày: Bà Hoàng Thị T có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho bà Triệu Thị C – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Triệu Quốc T vay tiền của Ngân hàng TViệt Nam – Chi Nhánh Lạng Sơn đúng theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và ông Triệu Ký V. Việc Ngân hàng khởi kiện đối với bà Triệu Thị C, chủ DNTN Triệu Quốc T thì bà Hoàng Thị T không có ý kiến gì. Tuy nhiên, đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì bà Hoàng Thị T đề nghị Ngân hàng cho bà Hoàng Thị T và ông Triệu Ký V một khoảng thời hạn từ 06 – 08 tháng kể từ ngày 28-12-2021 để ông Triệu Ký V, bà Hoàng Thị T có phương án tự xử lý các tài sản của mình, trả nợ Ngân hàng thay cho DNTN Triệu Quốc T. Trong trường hợp Ngân hàng không đồng ý với đề nghị gia hạn nêu trên thì bà Hoàng Thị T không đồng ý với việc Ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vì

Ngân hàng đã vi phạm thỏa thuận, cam kết của hai bên về "Xử lý tài sản thế chấp" được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thế chấp, cụ thể, phía Ngân hàng đã không thông báo cho bên thế chấp (bà về Hoàng Thị T và ông Triệu Ký V) về việc bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Không gửi văn bản yêu cầu bên thế chấp bán tài sản; Không tuân thủ đúng thủ tục xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Điều 5.4.b.i của Hợp đồng thế chấp. Do nguyên đơn chưa thực hiện các công việc nêu trên, nhưng đã yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp là vi phạm nội dung đã thỏa thuận, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp cho bên thế chấp. Khi tiến hành thụ lý vụ án, Tòa án không yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu để đánh giá về điều kiện khởi kiện nhưng vẫn thụ lý vụ án trong đó có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là vi phạm về điều kiện thụ lý vụ án. Ngoài ra, năm 2014, tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên là Công trình khách sạn 10 tầng xây dựng năm 2013 có diện tích sàn là 251,5m², diện tích xây dựng 2.510m² đã được ông Triệu Ký V góp vốn vào Công ty TNHH MTV Triệu Ký V để tăng vốn điều lệ. Và đến thời điểm này, Công ty TNHH MTV Triệu Ký V vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, cần xem xét ý kiến của Công ty TNHH MTV Triệu Ký V trong vụ án.

Với nội dung nêu trên; Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2022/KDTM-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 299, 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4; Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 7, 8, 10, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về áp dụng lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T Việt Nam: Buộc bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TViệt Nam số tiền tính đến ngày 27-4-2022 là 23.687.630.622 đồng (hai mươi ba tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng), trong đó, nợ gốc là 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng), nợ lãi trong hạn là 2.526.575.342 đồng (hai tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), lãi phạt nợ gốc quá hạn là 1.161.055.280 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi đồng). Kể từ ngày 29-4-2022 bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ

gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức số 0410/2019/HĐCVHM/NHCT200-DNTNTRIEUQUOCT ngày 04-10-2019; các Giấy nhận nợ số 06 ngày 08-7-2020, Giấy nhận nợ số 08 ngày 10-7-2020, Giấy nhận nợ số 09 ngày 14-7-2020, Giấy nhận nợ số 10 ngày 16-7-2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng cho vay hạn mức, các Giấy nhận nợ, văn bản sửa đổi/bổ sung hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Triệu Thị C, chủ DNTN Triệu Quốc T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng T Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất thửa 132, diện tích 128,7m² và thửa 133, diện tích 122,8m² cùng thuộc tờ bản đồ 22, địa chỉ thửa đất tại phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 113378, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ số T00255 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 113378, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ số T00255 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 02-8-2007, đăng ký biến động sang tên Triệu Ký V tháng 12-2008 và tài sản trên đất là công trình cấp II, nhà 10 tầng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN48/086/2016-HĐTC/NHCT200-DNTNTRIEUQUOCT/AI11337-AI113378 ngày 08-06-2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số LN48/1312/2017-HĐTC/SDDBS1-NHCT200/400569029-AI11337-AI113378 ngày 13-12-2017. Việc thanh toán tiền có được từ xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ trả nợ thì bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong khoản vay cho Ngân hàng T Việt Nam theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0410/2019/HĐCVHM/NHCT200-DNTNTRIEUQUOCT ngày 04-10-2019 và các Giấy nhận nợ số 06 ngày 08-7-2020, Giấy nhận nợ số 08 ngày 10-7-2020, Giấy nhận nợ số 09 ngày 14-7-2020, Giấy nhận nợ số 10 ngày 16-7-2020 cho đến khi trả xong khoản vay cho Ngân hàng T Việt Nam.

Về án phí: Bà Triệu Thị C - Chủ DNTN Triệu Quốc T phải chịu 131.687.630 đồng (một trăm ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng T Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T Việt Nam 65.137.000 đồng (sáu mươi lăm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000665 ngày 01-11-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Triệu Ký V có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xử sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Anh Triệu Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Triệu Ký V và anh Triệu Văn T xin thay đổi nội dung kháng cáo. Chỉ kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Ngân hàng không đồng ý với nội dung kháng cáo và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có ủy quyền.

Về việc giải quyết kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Triệu Ký V và anh Triệu Văn T làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Tại phiên tòa, ông Triệu Ký V và anh T thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung xử lý tài sản thế chấp như ông V. Việc thay đổi nội dung kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng cho vay đều được công chứng theo quy định pháp luật. Do đến thời hạn thanh toán doanh nghiệp không thực hiện đúng cam kết trả gốc, lãi theo hợp đồng ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Cúc, chủ doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều nhất trí trả nợ nhưng đề nghị Ngân hàng giãn thời gian trả nợ và đề nghị được thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp. Do đó, khi đến giai đoạn xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng mới phải thực hiện việc thông báo cho bên thế chấp tài sản theo quy định, ông V và anh T kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định ông Triệu Ký V, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV Triệu Ký V là không đúng quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Doanh Nghiệp, vì hiện nay ông V đang bị tạm giam chờ thi hành án nên không thể là người đại diện hợp pháp của Công ty, vi phạm này không làm thay đổi nội dung vụ án nhưng cần nêu ra để cấp phúc thẩm khắc phục và rút kinh nghiệm cho cấp sơ thẩm. Từ những phân tích nêu

trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của ông V, anh T, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Về án phí phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ, có một số đương sự vắng mặt, tuy nhiên đã có ủy quyền và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông Triệu Ký V và anh Triệu Văn T, đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Tại phiên tòa, ông Triệu Ký V và anh Triệu Văn T thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung xử lý tài sản thế chấp. Thấy rằng, việc thay đổi nội dung kháng cáo của ông V và anh của anh T không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy; để đảm bảo cho khoản vay của DNTN Triệu Quốc T, do bà Triệu Thị C làm Giám đốc-Chủ doanh nghiệp, được vay số tiền 20 (hai mươi) tỷ đồng, tại Ngân hàng TViệt Nam-Chi nhánh Lạng Sơn, ông Triệu Ký V cùng vợ là bà Hoàng Thị T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN48/086/2016-HĐTC/NHCT200-DNTN TRIEUQUOCT/AI 11337-AI113378 ngày 08-06-2016 (BL số 05 đến 09) và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số LN48/1312/2017-HĐTC/SDDBS1-NHCT200/400569029-AI11337-AI113378 ngày 13-12-2017 (BL số 30). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất: Thửa 132 và thửa 133 cùng thuộc tờ bản đồ số 22, tại địa chỉ phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được đăng ký biến động sang tên ông Triệu Ký V năm 2008. Trên đất có công trình nhà khách sạn 10 tầng, xây dựng năm 2013, diện tích sàn 215,5m², diện tích xây dựng 2510m². Hợp đồng thế chấp cũng quy định các tài sản gắn liền với thửa đất, cho dù tài sản đó đang được bên thế chấp sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai (gọi chung là tài sản gắn liền với đất) đều thuộc tài sản thế chấp. Tại khoản 4.02, Điều 4 của Hợp đồng thế chấp đã quy định rõ "tại thời điểm thế chấp, tài sản thế chấp chưa được sử dụng vào bất kỳ giao dịch tặng cho, cho thuê, chuyển nhượng, chuyển đổi, thế chấp, góp vốn, kê khai góp vốn, không phải là đối tượng của bất kỳ giao dịch hứa mua bán, đặt cọc, cam kết hoặc bất kỳ giao dịch dân sự, thương mại với bất kỳ tổ chức/cá nhân khác". Như vậy, ông Triệu Ký V và bà Hoàng Thị T biết tài sản trên đã được mang đi thế chấp nhưng vẫn thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH MTV Triệu Ký V, do đó Ngân hàng không có lỗi vì không được thông báo về việc góp vốn này. Đồng thời, việc góp vốn tuy có được đăng ký tại Sở K tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, chưa thực hiện việc chuyển quyền sở hữu cho Công ty

(do tài sản chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu). Có nghĩa là trên thực tế giao dịch góp vốn chưa hoàn thành. Do vậy, hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và ông Triệu Ký V và bà Hoàng Thị T có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, khi ký kết hợp đồng các bên tham gia giao dịch đều minh mẫn, tự nguyện không bị lừa dối, ép buộc và thực hiện đúng quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322 của Bộ luật Dân sự. Hơn nữa, bà Triệu Thị C cũng thừa nhận bà là người ký Hợp đồng vay tiền với Ngân hàng với số tiền gốc là 20 (hai mươi) tỷ ngày 04/10/2019, theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/10/2019 (bút lục số 32). Do đó mọi hậu quả pháp lý thuộc trách nhiệm của bà Cúc với Ngân hàng, nay Ngân hàng khởi kiện bà không có ý kiến gì. Tại phiên tòa hôm nay, ông Triệu Ký V và anh Triệu Văn T chỉ đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm khoản nợ lãi và lãi phạt nợ gốc quá hạn và đề nghị Tòa án xem xét về nội dung xử lý tài sản thế chấp.

[3] Do đến thời hạn thanh toán doanh nghiệp không thực hiện đúng cam kết trả gốc, lãi theo hợp đồng ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Triệu Thị C, chủ doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều nhất trí trả nợ nhưng đề nghị Ngân hàng giãn thời gian trả nợ và đề nghị được thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp. Tại phiên tòa bị đơn và những người kháng cáo xin ra hạn thi hành án, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về thời gian, khi đến giai đoạn xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng mới phải thực hiện việc thông báo cho bên thế chấp tài sản theo quy định. Tuy nhiên, Bản án hôm nay tuyên ra có hiệu lực pháp luật thi hành ngay, các bên vẫn còn quyền thỏa thuận tại thời điểm thi hành án. Do đó, ông Triệu Ký V và anh Triệu Văn T kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là không có cơ sở.

[4] Từ những nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Ký V và của anh Triệu Văn T người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định ông Triệu Ký V, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV Triệu Ký V là không đúng quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Doanh Nghiệp, vì hiện nay ông Triệu Ký V đang bị tạm giam chờ thi hành án, nên không thể là người đại diện hợp pháp của Công ty, vì phạm này không làm thay đổi nội dung vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Triệu Ký V và anh Triệu Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xác nhận ông Triệu Ký V và ông Triệu Văn T đã nộp đủ theo Biên biên thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Ký V và ông Triệu Văn T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Triệu Ký V và ông Triệu Văn T mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí phúc thẩm. Xác nhận ông Triệu Ký V và ông Triệu Văn T đã nộp theo các biên lai thu tiền số AA/2021/0000909 và biên lai số AA/2021/0000910 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS tp L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Cao Đức Chiến

